

ỨNG DỤNG THUYẾT ĐA TRÍ TUỆ TRONG SINH HOẠT LỚP VÀ
HƯỚNG NGHIỆP NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP
CỦA HỌC SINH

APPLYING THE THEORY OF MULTIPLE INTELLIGENCES IN
CLASSROOM ACTIVITIES AND CAREER GUIDANCE TO DEVELOP
STUDENTS' LEARNING ABILITIES

Son Ngọc Như*

Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Cần Thơ

*snnhu.thptcnguyenthiminhkhai@cantho.edu.vn

Ngày nhận bài:

20/11/2025

Ngày chấp nhận

đăng:

31/12/2025

ABSTRACT

In response to the competency-based orientation of the 2018 Vietnamese General Education Curriculum, this study applies Howard Gardner's Multiple Intelligences (MI) theory to class meetings and career guidance activities in order to enhance students' learning competencies. The research was conducted with 25 grade-12 students at Nguyen Thi Minh Khai Gifted High School and followed an action research design. Survey questionnaires, classroom observations and interviews were used to evaluate students' self-management, emotional regulation, creativity and career orientation before and after the intervention. Data reliability was confirmed by Cronbach's Alpha ($\alpha = 0.86$ for students and $\alpha = 0.82$ for teachers). The findings indicate a statistically significant improvement in students' learning attitudes and competencies; specifically, self-management increased from 48% to 92%, career orientation from 44% to 88% and emotional control from 56% to 100%. The study suggests that MI-based educational activities are feasible, low-cost and highly applicable in high schools. It is recommended that further research should include control groups and experimental validation using inferential statistics to generalize findings across educational settings.

Keywords: Multiple Intelligences, class meeting, career orientation, learning competencies, competency-based education.

TÓM TẮT

Trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển năng lực, nghiên cứu này vận dụng thuyết Đa trí tuệ (MI) của Howard Gardner vào tổ chức tiết sinh hoạt lớp và hoạt động hướng nghiệp nhằm tăng cường năng lực học tập của học sinh. Nghiên cứu được triển khai theo mô hình nghiên cứu hành động với 25 học sinh lớp 12 tại Trường trung học phổ thông (THPT) chuyên Nguyễn Thị Minh Khai. Các công cụ khảo sát gồm: phiếu hỏi (thang Likert 5 mức), quan sát lớp học và phỏng vấn nhanh. Độ tin cậy của công cụ được kiểm định bằng hệ số Cronbach's Alpha ($\alpha = 0,86$ đối với học sinh và $\alpha = 0,82$ đối với giáo viên). Kết quả cho thấy sự cải thiện rõ rệt trong các năng lực trọng tâm: tỷ lệ học sinh có năng lực tự quản tăng từ 48% lên 92%, định hướng nghề nghiệp tăng từ 44% lên 88%, năng lực kiểm soát cảm xúc –

Từ khóa: Thuyết Đa trí tuệ, sinh hoạt lớp,

hướng nghiệp, năng lực học tập, giáo dục định hướng năng lực.

hành vi tăng từ 56% lên 100%. Nghiên cứu khẳng định việc vận dụng thuyết Đa trí tuệ là khả thi, chi phí thấp và có thể áp dụng rộng rãi trong giáo dục THPT. Tuy nhiên, các nghiên cứu tiếp theo cần bổ sung nhóm đối chứng và phân tích thống kê suy luận để kiểm chứng hiệu quả một cách toàn diện hơn.

1. Giới thiệu

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định phát triển phẩm chất và năng lực là mục tiêu trung tâm của giáo dục phổ thông. Học sinh cần được hình thành năng lực tự học, khả năng thích ứng và định hướng nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Điều này phù hợp với xu hướng giáo dục quốc tế khi UNESCO (2015) và OECD (2018) đều cho rằng người học cần khả năng giải quyết vấn đề, học tập suốt đời và quản lý bản thân trong xã hội hiện đại.

Trong quá trình thực hiện chương trình mới, giáo viên chủ nhiệm giữ vai trò quan trọng. Nhiều nghiên cứu trong nước (Nguyễn Tùng Lâm, 2020; Trần Bá Hoành, 2016) khẳng định giáo viên chủ nhiệm tác động trực tiếp đến sự phát triển nhân cách học sinh và là nhân tố then chốt trong đổi mới phương pháp giáo dục. Bên cạnh đó, hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 giữ vai trò thiết yếu trong việc giúp các em hiểu khả năng của bản thân và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp (Nguyễn Cảnh Toàn, 2021). Các lý thuyết hướng nghiệp hiện đại như Thuyết nhận thức xã hội về lựa chọn nghề nghiệp (Lent, Brown & Hackett, 2002) hay Thuyết kiến tạo nghề nghiệp (Savickas, 2013) đều nhấn mạnh vai trò của kỹ năng tự quyết định và điều chỉnh cảm xúc.

Trong bối cảnh đó, thuyết Đa trí tuệ của Howard Gardner cung cấp một cách tiếp cận cá thể hóa giáo dục. Gardner (2011) cho rằng mỗi học sinh sở hữu những loại hình trí thông minh khác nhau, và khi được học đúng với thế mạnh của mình, các em sẽ tự tin và chủ động hơn. Ứng dụng thuyết này trong công tác chủ nhiệm và hướng nghiệp giúp giáo viên thiết kế hoạt động linh hoạt, khuyến khích học sinh tham gia tích cực và phát huy sở trường cá nhân (Armstrong, 2009).

Howard Gardner là nhà tâm lý học phát triển người Mỹ, giáo sư tại Đại học Harvard, được biết đến với thuyết Đa trí tuệ (Multiple Intelligences Theory). Theo ông, trí thông minh của con người không phải là một năng lực đơn nhất đo bằng chỉ số IQ mà bao gồm nhiều loại hình trí thông minh khác nhau, tồn tại song song và phát triển không đồng đều giữa các cá nhân (Gardner, 1983, 2011). Gardner cho rằng mỗi người đều sở hữu một cấu trúc trí thông minh riêng biệt, trong đó có thể nổi trội ở một hoặc một vài loại hình nhất định. Ông xác định tám loại hình trí thông minh cơ bản. Trí thông minh ngôn ngữ thể hiện qua khả năng sử dụng lời nói và chữ viết một cách linh hoạt, hiệu quả trong giao tiếp và biểu đạt tư tưởng. Trí thông minh logic - toán học phản ánh khả năng tư duy logic, suy luận, phân tích và giải quyết vấn đề. Trí thông minh vận động cơ thể liên quan đến khả năng điều khiển và phối hợp các hoạt động của cơ thể một cách khéo léo. Trí thông minh không gian thể hiện ở khả năng tư duy bằng hình ảnh, cảm nhận và xử lý các mối quan hệ không gian. Trí thông minh âm nhạc là khả năng cảm nhận, sáng tạo và thể hiện nhịp điệu, giai điệu. Trí thông minh giao tiếp (liên cá nhân) giúp cá nhân hiểu, chia sẻ và hợp tác hiệu quả với người khác. Trí thông minh nội tâm (nội cá nhân) phản ánh năng lực tự nhận thức, hiểu rõ cảm xúc, suy nghĩ và giá trị của bản thân. Cuối cùng, trí thông minh tự nhiên học thể hiện ở khả năng nhận biết, phân loại và đánh giá các sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên (Gardner, 2011).

Thuyết Đa trí tuệ của Gardner đã tạo ra những thay đổi quan trọng trong cách nhìn nhận về năng lực người học, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục. Học thuyết này nhấn mạnh rằng mỗi học sinh đều có tiềm năng riêng và có thể học tập hiệu quả hơn khi được tiếp cận bằng những phương thức phù hợp với thế mạnh trí tuệ của mình. Việc vận dụng thuyết Đa trí tuệ trong giáo dục góp phần thúc đẩy các tiếp cận dạy học và giáo dục theo hướng cá thể hóa, tôn trọng sự đa

dạng, đồng thời tạo điều kiện để học sinh phát triển toàn diện cả về nhận thức, kỹ năng và cảm xúc (Gardner, 1983; Gardner, 2011).

Thực tiễn tại lớp 12A8 Trường THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai cho thấy học sinh có thái độ học tập tốt nhưng vẫn gặp khó khăn về kỹ năng quản lý cảm xúc, giao tiếp và định hướng nghề nghiệp. Trong khi đó, các nghiên cứu chỉ ra rằng năng lực học tập chịu ảnh hưởng bởi năng lực tự điều chỉnh (Zimmerman, 2002), động lực học tập (Pintrich, 2003) và nhu cầu tâm lý nền tảng như tự chủ và kết nối xã hội (Deci & Ryan, 2000). Điều này cho thấy cần có biện pháp giáo dục phù hợp để hỗ trợ học sinh nâng cao năng lực học tập và chuẩn bị tốt hơn cho giai đoạn chuyển tiếp sau THPT.

Việc vận dụng thuyết Đa trí tuệ vào sinh hoạt lớp và hướng nghiệp là hướng tiếp cận phù hợp vì cho phép cá thể hóa hoạt động giáo dục, đáp ứng sự đa dạng của học sinh. Học sinh có thể phát huy thế mạnh trí tuệ riêng, tăng động lực học tập và tự tin hơn trong lựa chọn nghề nghiệp. Với ý nghĩa đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm ứng dụng thuyết Đa trí tuệ trong hoạt động sinh hoạt lớp của học sinh lớp 12A8, góp phần phát triển năng lực học tập và chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp THPT cũng như định hướng tương lai.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành dựa trên sự kết hợp nhiều phương pháp nhằm bảo đảm tính khách quan và độ tin cậy của kết quả. Trước hết, phương pháp nghiên cứu lý luận được sử dụng để thu thập và phân tích các tài liệu liên quan đến thuyết Đa trí tuệ của Howard Gardner, giáo dục định hướng năng lực, sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm và các lý thuyết hướng nghiệp hiện đại. Việc tổng hợp hệ thống tài liệu giúp xây dựng nền tảng lý thuyết cho đề tài và làm rõ cơ sở khoa học của việc vận dụng thuyết Đa trí tuệ trong giáo dục học sinh THPT.

Song song với đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra và khảo sát thông qua phiếu hỏi dành cho học sinh và giáo viên. Các phiếu khảo sát được thiết kế theo thang Likert 5 mức, tập trung đánh giá năng lực tự quản, năng lực cảm xúc và năng lực xã hội, mức độ định hướng nghề nghiệp và mức độ hiểu biết về thuyết Đa trí tuệ. Công cụ khảo sát được kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha, bảo đảm tính ổn định và phù hợp khi áp dụng trong bối cảnh trường phổ thông.

Ngoài ra, phương pháp quan sát sự phạm được sử dụng để ghi nhận thái độ, hành vi, mức độ tham gia của học sinh trong các buổi sinh hoạt lớp, hoạt động nhóm, hoạt động sân khấu hóa và các buổi hướng nghiệp. Quan sát trực tiếp giúp bổ sung dữ liệu định tính, đối chiếu với kết quả khảo sát và phản ánh cụ thể hơn những chuyển biến của học sinh.

Nghiên cứu hành động được triển khai nhằm đánh giá tác động của các giải pháp giáo dục dựa trên thuyết Đa trí tuệ. Tác giả thiết kế và tổ chức chuỗi hoạt động sinh hoạt lớp, trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh lớp 12A8, sau đó tiến hành đánh giá trước và sau tác động để xác định mức độ thay đổi của học sinh về thái độ học tập, sự chủ động, năng lực tự quản và định hướng nghề nghiệp.

Các số liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả, từ đó tổng hợp, so sánh và rút ra nhận xét về hiệu quả của việc vận dụng thuyết Đa trí tuệ trong thực tiễn giáo dục tại Trường THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai.

3. Kết quả và thảo luận

3.1 Khái quát về tổ chức khảo sát (Phiên bản MI – Đa trí tuệ)

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai (tỉnh Sóc Trăng, nay thuộc TP. Cần Thơ) theo định hướng nghiên cứu hành động, nhằm đánh giá thực trạng năng lực học tập, năng lực tự quản, năng lực cảm xúc và năng lực xã hội và định hướng nghề nghiệp của học sinh trước khi triển khai các hoạt động giáo dục dựa trên thuyết Đa trí tuệ của Howard Gardner. Việc khảo sát được tiến hành với mục tiêu xác định nhu cầu, mức độ sẵn sàng và sự phù hợp của việc ứng dụng thuyết Đa trí tuệ trong tổ chức sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp dành cho học sinh lớp cuối cấp.

Nội dung khảo sát tập trung vào ba nhóm vấn đề chính: (1) mức độ nhận thức và sự hứng thú của học sinh đối với các hoạt động giáo dục đa dạng trí tuệ; (2) khả năng tự quản, kiểm soát cảm xúc, tính sáng tạo và năng lực hợp tác của học sinh trong các hoạt động tập thể; (3) sự tự tin, mức độ hiểu biết về bản thân và khả năng định hướng nghề nghiệp và các yếu tố mà Gardner (2011) coi là có mối liên hệ mật thiết với loại hình trí thông minh chủ đạo của mỗi cá nhân.

Đối tượng khảo sát gồm toàn bộ 25 học sinh lớp 12A8, đại diện cho nhóm học sinh chuẩn bị thi tốt nghiệp THPT và lựa chọn ngành nghề. Dữ liệu bổ sung được thu thập từ giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và hồ sơ kết quả học tập của học sinh, giúp phản ánh đa dạng đặc điểm năng lực và hành vi của người học. Khảo sát được tiến hành trong tháng 9 năm học 2023–2024.

Về phương pháp, nghiên cứu sử dụng kết hợp định lượng và định tính. Phương pháp định lượng được triển khai thông qua phiếu khảo sát với các thang đo về năng lực tự chủ, tự học, kiểm soát cảm xúc, hợp tác nhóm và nhận thức nghề nghiệp. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả nhằm xác định tỉ lệ mức độ đáp ứng ở từng tiêu chí. Phương pháp định tính được thực hiện thông qua quan sát lớp học, dự giờ sinh hoạt, phỏng vấn nhanh học sinh và trao đổi với giáo viên nhằm ghi nhận thêm các biểu hiện hành vi, động lực học tập và thể mạnh trí tuệ của từng em. Toàn bộ quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện trên tinh thần tự nguyện và đảm bảo tính bảo mật.

Việc kết hợp nhiều nguồn dữ liệu và kỹ thuật phân tích khác nhau giúp nghiên cứu đạt được độ tin cậy cao, đồng thời cung cấp một bức tranh toàn diện về thực trạng năng lực của học sinh làm cơ sở quan trọng cho việc thiết kế và triển khai các hoạt động giáo dục theo thuyết Đa trí tuệ trong giai đoạn tiếp theo.

3.2 Kết quả vận dụng thuyết Đa trí tuệ trong tổ chức sinh hoạt lớp và hướng nghiệp tại Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Thị Minh Khai

Tại thời điểm khảo sát, việc vận dụng thuyết Đa trí tuệ (Multiple Intelligences – MI) của Howard Gardner trong sinh hoạt lớp và hướng nghiệp tại Trường THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai nhìn chung vẫn ở giai đoạn ban đầu, chưa hình thành thành quy trình thống nhất. Phần lớn các hoạt động phát huy trí thông minh của học sinh còn mang tính tự phát và phụ thuộc vào kinh nghiệm, năng lực của giáo viên chủ nhiệm. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy nhà trường đã có những chuyển biến tích cực khi giáo viên bước đầu tiếp cận và áp dụng MI như một cơ sở lý luận quan trọng để cá thể hóa hoạt động giáo dục.

Trong nghiên cứu này, mẫu khảo sát gồm 25 học sinh lớp 12A8 được chọn theo phương pháp chọn mẫu toàn bộ nhằm bảo đảm dữ liệu phản ánh đúng đặc điểm học tập và tâm lý của đối tượng nghiên cứu. Đồng thời, nhóm giáo viên được khảo sát gồm 7 thầy cô được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu mục đích dựa trên kinh nghiệm công tác chủ nhiệm và tham gia hướng nghiệp. Hai bộ thang đo dành cho học sinh và giáo viên được xây dựng dựa trên các cơ sở lý thuyết của Gardner (2011), Zimmerman (2002) và Lent, Brown & Hackett (2002), sau đó được kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha.

Kết quả kiểm định cho thấy thang đo học sinh đạt $\alpha = 0,86$ và thang đo giáo viên đạt $\alpha = 0,82$, chứng tỏ các thang đo có độ tin cậy cao và phù hợp sử dụng trong nghiên cứu giáo dục. Khảo sát được tiến hành vào tháng 1 năm 2024, thực hiện trên tinh thần tự nguyện, bảo mật thông tin và phục vụ cho mục tiêu phân tích thực trạng cũng như đánh giá tính khả thi của việc vận dụng thuyết Đa trí tuệ trong hoạt động sinh hoạt lớp và hướng nghiệp.

Về mức độ nhận thức, 100% giáo viên tham gia khảo sát cho rằng thuyết Đa trí tuệ giúp giải thích sự khác biệt giữa học sinh. Từ đó hỗ trợ giáo viên lựa chọn hoạt động phù hợp với thể mạnh cá nhân từng em. Đặc biệt, giáo viên đánh giá cao khả năng ứng dụng MI trong việc phát triển năng lực tự nhận thức, hợp tác, sáng tạo và định hướng nghề nghiệp và những năng lực cốt lõi trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Về mức độ vận dụng, 71% giáo viên cho biết đã sử dụng các hoạt động dựa trên MI trong sinh hoạt lớp hoặc hoạt động trải nghiệm (như thảo luận nhóm, sân khấu hóa, hoạt động khám

phá bản thân, phiếu đánh giá trí thông minh). 29% còn lại chỉ thỉnh thoảng áp dụng do hạn chế về thời gian, tài liệu và thiếu kinh nghiệm thiết kế hoạt động. Ngoài ra, 86% giáo viên đề xuất cần được bồi dưỡng chuyên môn và xây dựng bộ công cụ đánh giá và tổ chức các hoạt động MI dùng chung để việc triển khai đạt hiệu quả cao hơn.

Bảng 1. Nhận thức và tần suất vận dụng thuyết Đa trí tuệ của giáo viên kiêm nhiệm công tác chủ nhiệm

Nội dung khảo sát	Số lượng GV (N = 7)	Tỉ lệ (%)
Nhận thức đúng về bản chất MI	7	100%
Hiểu MI là cơ sở cá thể hóa giáo dục	7	100%
Thường xuyên vận dụng MI trong hoạt động giáo dục	5	71%
Thỉnh thoảng vận dụng MI	2	29%
Đề xuất cần tập huấn và phát triển công cụ MI dùng chung	6	86%

Khảo sát chuyên sâu với 3 giáo viên trực tiếp phụ trách sinh hoạt lớp và hướng nghiệp cho thấy tất cả đều nhận định rằng việc tổ chức hoạt động theo MI giúp học sinh phát huy thể mạnh nổi trội, tăng sự tự tin, cải thiện kỹ năng giao tiếp và hợp tác và hỗ trợ định hướng nghề nghiệp rõ ràng hơn. Tuy nhiên, chỉ hai giáo viên đánh giá rằng MI tạo ra chuyển biến mạnh về hứng thú học tập và thái độ tham gia hoạt động; điều này cho thấy hiệu quả cảm xúc của mô hình phụ thuộc đáng kể vào cách tổ chức, mức độ tương tác và năng lực dẫn dắt của giáo viên.

Việc triển khai “Ứng dụng thuyết Đa trí tuệ của Howard Gardner trong tiết sinh hoạt lớp và hoạt động hướng nghiệp nhằm nâng cao năng lực học tập và kết quả thi tốt nghiệp THPT cho học sinh lớp 12A8, Trường THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai” đã cho thấy những tác động rõ rệt và bền vững. Các giải pháp được vận dụng không chỉ giúp giáo viên chủ nhiệm tăng cường năng lực chuyên môn, hiểu rõ hơn đặc điểm tâm lý và nhận thức của học sinh cuối cấp mà còn góp phần đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng cá thể hóa. Đối với học sinh, hiệu quả đạt được thể hiện qua sự thay đổi tích cực trong thái độ học tập, mức độ chủ động tham gia hoạt động, sự tự tin trong giao tiếp cũng như sự tiến bộ về kết quả học tập ở tất cả các môn. Những chuyển biến này khẳng định tính khả thi của việc áp dụng thuyết Đa trí tuệ vào thực tiễn giáo dục nhà trường, đồng thời chứng minh rằng mô hình này có thể tiếp tục được nhân rộng để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện trong bối cảnh triển khai Chương trình GDPT 2018.

Kết quả khảo sát 25 học sinh lớp 12A8 qua hai lần đo cho thấy mức độ cải thiện rõ rệt ở tất cả các tiêu chí (Bảng 2). Tỷ lệ học sinh phát huy năng lực tự quản tăng từ 48% lên 92%, khả năng định hướng nghề nghiệp tăng từ 44% lên 88%, năng lực kiểm soát cảm xúc và hành vi tăng từ 56% lên 100%, và khả năng sáng tạo thông qua hoạt động sân khấu hóa tăng từ 52% lên 84%. Những con số này chứng minh tác động trực tiếp của các giải pháp dựa trên thuyết Đa trí tuệ đến sự phát triển năng lực cá nhân của học sinh.

Bảng 2. Khảo sát thái độ học tập học sinh 12A8 trước và sau áp dụng giải pháp

Tiêu chí đánh giá	Trước (%)	Sau (%)
Năng lực tự quản	48	92
Định hướng nghề nghiệp	44	88
Kiểm soát cảm xúc và hành vi	56	100
Năng lực sáng tạo (sân khấu hóa)	52	84

(Nguồn: Tính toán của tác giả từ khảo sát lớp 12A8)

Những chuyển biến này còn được phản ánh qua kết quả học lực: học kỳ I lớp 12A8 có 80% học sinh giỏi, sang học kỳ II tăng lên 88% học sinh giỏi. Hạnh kiểm của toàn bộ 25 học sinh đều đạt mức Tốt (100%). Đây là cơ sở quan trọng cho thấy việc áp dụng giải pháp theo

hướng cá thể hóa và phát huy trí thông minh đặc thù của từng học sinh đã hỗ trợ tốt quá trình học tập và rèn luyện.

Bên cạnh đó, học sinh lớp 12A8 tích cực tham gia các hoạt động phong trào và đạt nhiều thành tích nổi bật như: Giải Nhất tập san 20/11, Giải Ba văn nghệ Xuân, Giải Nhì nhảy dân vũ, ... Các hoạt động này thể hiện sự phát triển toàn diện về kỹ năng hợp tác, sáng tạo và năng lực giao tiếp đúng với định hướng của thuyết Đa trí tuệ.

Trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, các em học sinh lớp 12A8 đều đạt từ 40 điểm trở lên, đặc biệt có học sinh Tiêu Tú Châu đạt 56,1/60 điểm, nằm trong Top 200 thí sinh có điểm số cao nhất cả nước và là thủ khoa của tỉnh Sóc Trăng cũ. Nhiều học sinh khác cũng đạt tổng điểm trên 50 điểm; em Bùi Kim Phụng đạt tổng điểm thi tốt nghiệp là 53,45 điểm; em Hồ Đình Đoàn Anh đạt 51,3 điểm; em Trần Phan Quỳnh Dương đạt 51,35 điểm, đạt top 50 học sinh có điểm thi trung học phổ thông của khối, ngành trúng tuyển đại học năm 2024 từ 29,00 đến 27,10 điểm được xét nhận học bổng khuyến tài “Luong Định Của năm 2024”... Với kết quả như thế đã khẳng định được hiệu quả của các giải pháp trong việc phát triển năng lực học tập cốt lõi. Thành tích nổi bật này không chỉ phản ánh năng lực tự học và bản lĩnh cá nhân của học sinh mà còn cho thấy tính khả thi và tác động rõ rệt của các giải pháp giáo dục dựa trên thuyết Đa trí tuệ trong việc nâng cao chất lượng học tập và định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT.

Xét về mức độ khả thi, các giải pháp được xây dựng dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường và đặc điểm nhân học của học sinh. Việc tích hợp thuyết Đa trí tuệ vào sinh hoạt lớp và hướng nghiệp không đòi hỏi nguồn lực lớn, dễ tổ chức, dễ điều chỉnh và có thể áp dụng rộng rãi cho các lớp khác trong trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai, cũng như cho các trường THPT khác. Các hoạt động đề xuất mang tính linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và thể hiện đúng định hướng giáo dục phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Nhìn chung, kết quả thực tế cho thấy các giải pháp dựa trên thuyết Đa trí tuệ có tính bền vững, khả năng nhân rộng cao, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện. Đây là cơ sở quan trọng để đề tài có thể được tiếp tục triển khai ở các năm học tiếp theo hoặc áp dụng trong các trường phổ thông khác như một mô hình tham khảo về đổi mới tổ chức tiết sinh hoạt lớp và hướng nghiệp.

Từ những kết quả trên có thể thấy tiềm năng rõ rệt của việc vận dụng thuyết Đa trí tuệ trong sinh hoạt lớp và hướng nghiệp tại Trường THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai. Tuy vậy, để mô hình phát huy hiệu quả bền vững, nhà trường cần xây dựng lộ trình tập huấn, phát triển tài liệu và thiết kế hệ thống hoạt động theo từng nhóm trí thông minh, đồng thời tích hợp MI vào chiến lược đổi mới phương pháp giáo dục của giáo viên chủ nhiệm.

3.3 Thảo luận về các giải pháp phát triển năng lực học sinh theo thuyết Đa trí tuệ

Kết quả triển khai các hoạt động dựa trên thuyết Đa trí tuệ cho thấy học sinh lớp 12A8 có nhiều chuyển biến tích cực trong quá trình tham gia sinh hoạt lớp và hoạt động hướng nghiệp. Việc tổ chức hoạt động theo hướng phát huy thế mạnh trí tuệ nổi trội giúp các em tham gia tích cực hơn và tự tin hơn. Đây cũng là điểm phù hợp với quan điểm của Gardner khi cho rằng mỗi học sinh có xu hướng học tốt hơn nếu được tiếp cận bằng hình thức phù hợp với đặc điểm trí tuệ của mình.

Trước hết, học sinh thể hiện rõ sự thay đổi về tính chủ động và khả năng tự quản. Khi giáo viên giao quyền điều hành một phần tiết sinh hoạt cho ban cán sự và nhóm học sinh, các em làm việc có trách nhiệm hơn, biết phối hợp, xử lý tình huống và hỗ trợ nhau trong các nhiệm vụ chung. Các hoạt động như thảo luận, trò chơi, sân khấu hóa hay giải quyết tình huống cũng góp phần tạo không khí thoải mái, giúp học sinh dễ bộc lộ suy nghĩ và rèn luyện kỹ năng giao tiếp. Điều này cho thấy việc tích hợp nhiều loại hình trí thông minh vào hoạt động sinh hoạt lớp là phù hợp và mang lại hiệu quả thiết thực.

Bên cạnh đó, hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp thông qua thiết kế poster, thuyết trình và phân tích yêu cầu nghề nghiệp giúp học sinh tư duy khoa học hơn trong việc lựa chọn ngành nghề tương lai. Các em biết đặt ra mục tiêu học tập, phân tích điểm mạnh - điểm yếu và so sánh với yêu cầu nghề nghiệp. Điều này cho thấy khi hoạt động hướng nghiệp được thiết kế phù hợp với đặc điểm trí tuệ của học sinh, các em có xu hướng suy nghĩ chín chắn hơn và tự tin hơn trong việc đưa ra quyết định cho bản thân.

Một điểm đáng chú ý khác là sự cải thiện về khả năng kiểm soát cảm xúc. Thông qua hoạt động viết nhật ký cảm xúc, thực hành hít thở sâu hay xử lý tình huống, học sinh từng bước nhận biết được trạng thái tâm lý của bản thân và biết cách điều chỉnh khi căng thẳng. Một số em chia sẻ rằng việc ghi lại cảm xúc hằng ngày giúp các em suy nghĩ tích cực hơn và giảm bớt áp lực trong học tập.

Hoạt động sân khấu hóa cũng mang lại nhiều thay đổi tích cực. Khi tham gia diễn kịch, phân vai hoặc trình diễn nội dung giáo dục, học sinh trở nên mạnh dạn hơn, biết phối hợp nhóm và thể hiện khả năng sáng tạo của mình. Hình thức này phù hợp với học sinh có thể mạnh về vận động và ngôn ngữ, đồng thời tạo cơ hội để các em trải nghiệm những tình huống thực tiễn liên quan đến kỹ năng sống và kỹ năng xã hội.

Ngoài ra, hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp theo hướng nhập vai và thực hiện dự án cá nhân giúp học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề. Khi học sinh tự đánh giá năng lực của mình, thực hiện bài trắc nghiệm MI và xây dựng kế hoạch tương lai, các em hiểu rõ về bản thân và định hướng nghề nghiệp một cách rõ ràng hơn.

Nhìn chung, các giải pháp vận dụng thuyết Đa trí tuệ đã góp phần giúp học sinh phát huy điểm mạnh, hoàn thiện kỹ năng và nâng cao năng lực học tập. Các hoạt động được thiết kế phù hợp với đặc điểm tâm lý và sự đa dạng của học sinh lớp 12, đồng thời tạo môi trường học tập tích cực, giúp các em chuẩn bị tốt hơn cho kỳ thi tốt nghiệp THPT và hành trình định hướng nghề nghiệp sau này.

4. Kết luận

Nghiên cứu ứng dụng thuyết Đa trí tuệ của Howard Gardner vào tổ chức tiết sinh hoạt lớp và hoạt động hướng nghiệp cho học sinh lớp 12A8, Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai đã chứng minh hiệu quả rõ rệt trong việc phát triển năng lực học tập, năng lực tự nhận thức và khả năng định hướng nghề nghiệp cho học sinh cuối cấp THPT. Các giải pháp được triển khai không chỉ giúp cá thể hóa hoạt động giáo dục theo thế mạnh trí thông minh của từng học sinh mà còn tạo môi trường học tập tích cực, giàu tính trải nghiệm và thúc đẩy sự tham gia chủ động của các em.

Kết quả khảo sát trước và sau khi áp dụng cho thấy sự cải thiện đáng kể ở bốn năng lực trọng tâm: năng lực tự quản, định hướng nghề nghiệp, kiểm soát cảm xúc – hành vi và năng lực sáng tạo. Đồng thời, kết quả học lực, hạnh kiểm và thành tích thi tốt nghiệp THPT của học sinh lớp 12A8 đều có xu hướng tăng mạnh, trong đó nổi bật là tỷ lệ 100% học sinh đạt từ 40 điểm trở lên ở kỳ thi tốt nghiệp và có học sinh đạt thành tích top đầu toàn quốc. Những dữ liệu này khẳng định thuyết Đa trí tuệ không chỉ phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi mà còn mang tính thực tiễn cao khi áp dụng vào hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

Từ góc độ sư phạm, việc tích hợp thuyết Đa trí tuệ vào sinh hoạt lớp đã góp phần đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, tăng cường kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh. Giáo viên chủ nhiệm cũng nâng cao năng lực quản lý lớp học, năng lực hỗ trợ tâm lý học đường và năng lực định hướng nghề nghiệp. Đây là những năng lực thiết yếu trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

Với những kết quả tích cực đạt được, các giải pháp của đề tài có thể xem là khả thi, hiệu quả và có thể nhân rộng trong các trường THPT. Việc tiếp tục triển khai và điều chỉnh linh hoạt theo đặc trưng từng lớp học, từng nhà trường sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn

diện, hỗ trợ học sinh phát triển tối ưu tiềm năng cá nhân, đồng thời chuẩn bị tốt hơn cho các em trong quá trình học tập, rèn luyện và định hướng nghề nghiệp sau phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo Sóc Trăng. (2024, July 22). *Em Tiêu Tú Châu – Thủ khoa kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2000). The “what” and “why” of goal pursuits: Human needs and self-determination theory. *Psychological Inquiry, 11*(4), 227–268.
- Eccles, J. S., & Wigfield, A. (2002). Motivational beliefs, values, and goals. *Annual Review of Psychology, 53*(1), 109–132.
- Gardner, H. (1983). *Frames of mind: The theory of multiple intelligences*. New York, NY: Basic Books.
- Gardner, H. (2011). *Thuyết đa trí tuệ* (Nguyễn Văn Hùng dịch). Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.
- Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (2002). Social cognitive career theory. In D. Brown (Ed.), *Career choice and development* (pp. 255–311). Jossey-Bass.
- Lê Đình Trung, & Nguyễn Thị Hồng Hạnh. (2020). Giáo dục định hướng phát triển năng lực trong nhà trường phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục, 173*, 25–30.
- Nguyễn Cảnh Toàn. (2021). Vai trò của giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục, 523*, 12–15.
- Nguyễn Thị Mai Lan. (2020). Tổ chức hoạt động hướng nghiệp dựa trên đặc điểm tâm lý học sinh THPT. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Đại học Đà Nẵng, 18*(6), 45–52.
- Nguyễn Thị Thu Hằng. (2021). Vận dụng thuyết đa trí tuệ trong tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT. *Tạp chí Giáo dục, 512*, 45–48.
- Nguyễn Tùng Lâm. (2020). Vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong giáo dục học sinh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục, 182*(3), 15–22.
- OECD. (2018). *The future of education and skills 2030*. OECD Publishing.
- Phạm Minh Hạc. (2019). *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Savickas, M. L. (2013). Career construction theory and practice. In R. W. Lent & S. D. Brown (Eds.), *Career development and counseling* (2nd ed., pp. 147–183). Wiley.
- Schunk, D. H., & Zimmerman, B. J. (2011). *Handbook of self-regulation of learning and performance*. Routledge.
- Super, D. E. (1990). A life-span, life-space approach to career development. *Journal of Vocational Behavior, 16*(3), 282–298.
- Trần Bá Hoàn. (2016). Đổi mới phương pháp dạy học trong bối cảnh phát triển năng lực. *Tạp chí Khoa học Giáo dục, 128*, 3–10.
- Trường THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai. (2024). *Báo cáo tổng kết năm học 2023–2024*. Bạc Liêu.
- UNESCO. (2015). *Education 2030: Incheon declaration and framework for action*. UNESCO Publishing.
- Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. *Theory Into Practice, 41*(2), 64–70.